

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/02/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Việt Hùng

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Văn Thành P**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 11B/4, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thúy V**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 5/4, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Văn Thành P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thúy V tiến đến hôn nhân do quen biết có tổ chức lễ cưới năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2010 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn nên thường cự cãi nhau. Anh và chị V không còn sống chung với nhau từ năm 2010 đến năm 2015. Sau đó từ

năm đến năm 2015 đến năm 2019 anh và chị V có hàn gắn nên sống chung lại với nhau. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng cũng bất đồng quan điểm nên không thể hòa hợp được, thường xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2019 đến nay anh và chị V quyết định không chung với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thúy V.

Về con chung: Thời gian chung sống giữa anh và chị V có 02 con chung tên Văn Thành P, sinh năm 1994 và Văn Thành P, sinh năm 2002. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thúy V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tiến đến hôn nhân do quen biết có tổ chức lễ cưới năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2010 đến năm 2015. Sau đó từ năm 2015 đến năm 2019 chị và anh P có hàn gắn nên sống chung lại với nhau. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng cũng bất đồng quan điểm nên không thể hòa hợp được, thường xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2019 đến nay chị và anh P sống ly thân với nhau. Nay theo yêu cầu của anh P thì chị đồng ý ly hôn với anh P do vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm với nhau nên không thể hàn gắn được.

Về con chung: Thời gian chung sống, chị và anh P có 02 con chung tên Văn Thành P, sinh năm 1994 và Văn Thành P, sinh năm 2002. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Văn Thành P trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đến khi nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V; Về con chung: không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết; Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Văn Thành P khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thúy V có địa chỉ tại ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, do đó Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thúy V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ủy ban nhân dân xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cũng có văn bản xác nhận anh P và chị V không có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Anh P yêu cầu ly hôn với chị V và chị V cũng có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với anh P. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị V thuộc trường hợp pháp luật không công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh P, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V.

- Về con chung: Anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V trình bày thời gian chung sống anh P và chị V có 02 con chung tên Văn Thành P, sinh năm 1994 và Văn Thành P, sinh năm 2002. Hiện hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Văn Thành P, sinh năm 1994 và Văn Thành P, sinh năm 2002. Hiện hai con đã trưởng thành, anh P và chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Văn Thành P và chị Nguyễn Thúy V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Văn Thành P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006400 ngày 08/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên anh P không phải nộp thêm.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể

từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Tân Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ánh Tuyết